TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/DS-PT
Ngày 29-11-2018
"*V/v tranh chấp quyền sử đụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;
Bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TL-DSPT ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn Đ, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thị xã G, tỉnh Đ – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đặng Thị T – Có mặt.

Địa chỉ: Số a, tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đ

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, anh Nguyễn Văn T, cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk N, chị A có mặt; anh T vắng mặt.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Vũ Thị N, địa chỉ: Tổ B, phường N, thị xã G, tỉnh Đ – Vắng mặt.

3.2. Chị Đặng Thị L, địa chỉ: Tổ C, phường N, thị xã G, tỉnh Đ – Có mặt.

3.3. Chị Vũ Thị H, địa chỉ: Số B đường H, tổ B, phường N, thị xã G, tỉnh Đ – Vắng mặt.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Đ, người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng T, chức vụ: Quyền trưởng phòng Tài nguyên và Môi trương huyện Đ, tỉnh Đ – Có mặt.

4. Những người làm chứng : Anh Vũ Gia Q ; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện Đắk G, tỉnh Đ, anh Nguyễn Đăng K; địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ (đều có mặt); anh Trần Văn H, chị Đinh Thị L; cùng địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ, anh Nguyễn Văn K ; địa chỉ: Tổ E, phường Nghĩa Đức, Tx. Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông, anh Cao Đình T1; địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ (đều vắng mặt).

Do có kháng cáo của anh Đặng Văn Đ - Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:** Năm 2003 anh Đặng Văn Đ nhận chuyển nhượng từ anh Đinh Tiến V, chị Vũ Thị N một lô đất *(nguồn gốc lô đất này do anh V đổi đất với anh Nguyễn Văn K)*, diện tích là 23.470m^2, đất tọa lạc tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, thời điểm chuyển nhượng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), có tứ cận: Phía dưới giáp suối *(còn một ít rừng mới tới suối)*, phía trên giáp rừng, một phía giáp đất anh K, một phía giáp đất anh T, chị A, hai bên có tiến hành chỉ ranh lô đất chuyển nhượng và có lập hợp đồng chuyển nhượng viết tay, năm 2003 anh Đặng Văn Đ được cấp GCNQSDĐ, do không có khả năng canh tác nên anh Đ giao lại toàn bộ diện tích đất trên cho chị Đặng Thị T trực tiếp sử dụng, khoảng năm 2010 thì anh Đ chuyển nhượng cho chị Võ Thị C một phần diện tích đất *(khi tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mang tên chị Võ Thị T)*, diện tích đất chuyển nhượng là 11.735m^2. Phần diện tích đất còn lại của anh Đ được cấp giấy chứng nhận số K118558, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 10 với diện tích là 11.735m^2, trong thời gian nhận đất sử dụng do Tiêu bị nhổ trộm trụ nên chị T đã trồng Xoan, phía trên vẫn để Điều, Cà phê nhưng chị T trồng xen Xoan và trồng Cao su. Trong quá trình sử dụng gia đình chị T có khai hoang thêm phần diện tích đất phía trên *(giáp rừng)* và phía dưới *(phần giáp suối)* diện tích khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2010 chị T cho anh T1 mượn diện tích đất trên để trồng cây Chanh dây, trong thời gian mượn đất anh T1 có mở 01 con đường đi xuống dưới nằm sâu bên trong lô đất của anh Đ, anh T1 có phát một hàng Cao su trồng ở phía trong để làm con đường, thời điểm này anh T, chị A có lấn chiếm đất đến giáp con đường anh T1 xin mở, anh T1 có báo với chị T, diện tích khoảng 2.000m^2.

Sau khi đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp, chị T xác định diện tích đất tranh chấp là 4987.6m^2, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải ngày 26-6-2018 chị T yêu cầu anh T, chị A phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 4987.6m^2,

Bị đơn anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất hiện nay của gia đình anh, chị tại thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ do gia đình khai hoang từ năm 1997 đến năm 2003, diện tích đất khai hoang khoảng 10,5ha; có tứ cận: Một phía giáp đường tỉnh lộ F *(nay là quốc lộ G)*, phía dưới giáp suối, một phía giáp đất anh K, một phía giáp đất người đồng bào, sau khi khai hoang thì gia đình anh T, chị A đã trồng Cà phê với số lượng khoảng 6.000 cây trên đất khai hoang, đến năm 2000-2001 bỏ Cà phê, trồng Mì và Điều, năm 2007 thì phá cây Điều trồng lại cây Cà phê, tuy nhiên có để lại 01 hàng cây Điều phần giáp ranh với phần đất của anh Đ để làm ranh giới. Năm 2005 thì gia đình anh, chị được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích khoảng 4.000m^2, năm 2010 thì gia đình anh T, chị A làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10 với diện tích 21.933m^2. Thời điểm anh K khai hoang thì ranh giới lô đất của anh K giáp với lô đất của anh T, chị A không có gì làm ranh, gia đình chị A, anh T lấy mốc mép suối chạy thẳng lên tới đường làm ranh giới. Năm 2010 chị T có cho anh T1 mượn đất và anh T1 có mở 01 con đường đi xuống dưới giáp ranh với đất của gia đình anh T, chị A *(giáp hàng cây Điều anh T, chị A để lại làm ranh).*

Gia đình anh T, chị A sử dụng đất ổn định đến năm 2016 thì xảy ra tranh chấp với anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu gia đình anh T, chị A phải trả diện tích đất lấn chiếm khoảng 4987.6m^2 anh T, chị A không đồng ý, vì lý do gia đình anh, chị sử dụng đất ổn định, phần giáp đất anh Đ có 01 hàng cây Điều làm ranh. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm anh chị A cho rằng vì tình làng nghĩa xóm nên anh chị đồng ý để lại cho anh Đ 423.7m^2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Chị Đặng Thị L trình bày:* Chị đồng ý với ý kiến của chồng chị là anh Đặng Văn Đ và không bổ sung gì thêm.

- *Chị Vũ Thị N trình bày:* Nguồn gốc lô đất chị và anh V *(chồng chị N)* chuyển nhượng cho anh Đ do anh V và chị gái là Vũ Thị H cùng đổi đất cho anh K một lô đất rẫy ở cùng thôn D, xã Đ, có tứ cận phía trước giáp rừng, phía sau giáp khe suối, một phía giáp đất anh K, một phía giáp anh T, chiều ngang mặt đường khoảng 92m, chiều sâu chạy tới suối, việc trao đổi đất hai bên chỉ nói miệng với nhau không lập giấy tờ gì. Sau khi đổi đất gia đình chị thống nhất để chị H đứng tên kê khai và làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cuối năm 2003, gia đình chị và chị H đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất cho anh Đ,

khi chuyển nhượng đất anh V là người trực tiếp thực hiện nên hai bên có lập hợp đồng, ký giáp ranh hay không thì chị không biết. Lô đất chuyển nhượng cho anh Đ được cấp Giấy chứng nhận số K 118558 thửa đất số 34, tờ bản đồ số 10, sau khi làm thủ tục chuyển nhượng đất cho anh Đ do sơ suất nên không hủy việc kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận cho chị H. Anh V chết năm 2004, hiện chị N không lưu giữ giấy tờ gì. Việc anh Đ khởi kiện yêu cầu anh T, chị A phải trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 2.000m^2 chị không có ý kiến gì vì không liên quan đến lô đất, việc chuyển nhượng đã hoàn tất, khi chuyển nhượng đã bàn giao ranh giới rõ ràng, không tranh chấp, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Chị Vũ Thị H trình bày:* Chị H xác nhận chị và gia đình chị N có chuyển nhượng cho anh Đặng Văn Đ một lô đất như ý kiến chị N đã trình bày, do ở xa, đi lại khó khăn, chị đồng ý với ý kiến của chị N và không có yêu cầu gì khác.

- *Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Đ trình bày:*

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Văn Đ do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ không cung cấp được hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 của hộ ông Đ tại thửa số 34, tờ bản đồ số 10, diện tích 11.735m^2 nên UBND huyện Đ không có đủ căn cứ trả lời Tòa án nhân dân huyện Đ trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên.

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 26, tờ bản đồ số 10 cấp cho hộ Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A thì: Ngày 19-8-2010 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2231/QĐ –UBND, về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 719961 cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị A tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10, tại xã Đ với diện tích 18.948,0m^2. Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tại Tờ trình số 222/TTr – TNMT, ngày 18-10-2010. Ngày 01-11-2010 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2769/QĐ –UBND "V/v điều chỉnh Điều 1, Quyết định số 2231/QĐ – UBND, ngày 19-8-2010 của UBND huyện Đắk Glong về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 951176 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị A tại thửa đất số 26 tờ bản đồ số 10 xã Đ, diện tích sau điều chỉnh là 21.933,0m^2, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm.

Bản án số 43/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 156, 157, 158, 163, 164, 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 12, Điều 166, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013.

1. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị A.

Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị A phải trả cho anh Đặng Văn Đ diện tích đất là 423.7m^2 (theo ranh đất hiện trạng), có tứ cận:

Phía Bắc giáp Quốc lộ 28 là 13.13m; Phía Nam giáp góc ranh hiện trạng (có 01 cây Rừng to làm ranh); Phía Đông (ranh đất hiện trạng) giáp đất anh T, chị A đang sử dụng (giáp phần đất tranh chấp do chị T chỉ ranh) là 195.10m; Phía Tây giáp giáp đất anh Đ là 219m.(Đất trống, có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, chi phí định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2018, anh Đặng Văn Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đ; buộc anh T, chị A phải trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 2.000m^2 tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 118556, cấp ngày 26/12/2003.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn Đ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị A đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Khi nhận chuyển nhượng đất của anh Đinh Tiến V và chị Vũ Thị N và sau khi được cấp GCNQSDĐ anh Đặng Văn Đ có khai hoang thêm một phần diện tích đất nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ, năm 2010 anh Đ chuyển nhượng cho chị Võ Thị C một phần diện tích đất. Lẽ ra khi giải quyết tranh chấp đất giữa anh Đ và anh T, chị A, Tòa án sơ thẩm phải đo đạc tổng thể diện tích đất anh Đặng Văn Đ trước khi chưa chuyển nhượng cho chị C để xác định diện tích đất anh Đặng Văn Đ và chị Võ Thị C sử dụng thiếu hay đủ. Từ đó mới có căn cứ xem xét nguyên nhân đất anh Đ thiếu là do đâu.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T là người đang sử dụng đất của anh Đ xác định ranh giới giữa hai gia đình hiện còn 01 hàng Xoan còn gốc. Người làm chứng anh Trần Văn H và chị Trần Thị L là người được chị T thuê làm rẫy từ năm 2005 đến năm 2009 khai: "khi trồng Xoan có trồng 01 hàng thẳng để làm ranh giới với đất anh T, khoảng cách 01m/cây". Phía chị A, anh T khẳng định anh, chị không trồng Xoan mà chỉ có cây Xoan mọc từ rễ Xoan. Như vậy cần xem xét, xác định có hay không có gốc Xoan và vị trí gốc Xoan hiện tại là một trong những căn cứ để xác định ranh giới đất giữa hai gia đình. Mặt khác, lời khai của chị T và anh T1 là có mâu thuẫn với nhau về con đường đi xuống rẫy nhưng không thể hiện con đường nằm vị trí nào trên sơ đồ đo đạc hiện trạng diện tích đất tranh chấp. Đây là những vi phạm nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 308

của Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn Đ, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của các nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc anh T, chị A phải trả lại diến tích đất lấn chiếm khoảng 2.000m^2 tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 10 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 118556, cấp ngày 26/12/2003:

- Về kết quả đo đạc, lồng ghép: Do các cơ quan chuyên môn không tiến hành lồng ghép được nên không thể xác định được diện tích đất của các bên sử dụng có đúng ranh giới hay không, có hành vi lấn chiếm hay không. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án dựa trên các tài liệu, chứng cứ về nguồn gốc sử dụng đất, trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất cũng như hiện trạng sử dụng đất của các bên để xác định các bên có lấn chiếm hay không là phù hợp. Tuy nhiên, việc điều tra, xác minh, thu thập và đánh giá chứng cứ chưa đúng quy định, cụ thể:

[2.1]. Đối với diện tích đất của anh Đặng Văn Đ nhận chuyển nhượng của anh V, chị N năm 2003 có diện tích là 23470m^2. Năm 2010 anh Đ chuyển nhượng cho chị Võ Thị C một phần diện tích đất, nhưng cấp sơ thẩm chỉ đo đạc hiện trạng đối với phần diện tích đất anh Đặng Văn Đ . Bên cạnh đó, Chị Thường trình bày sau khi anh Đ được cấp GCNQSDĐ thì anh Đ có khai hoang thêm một phần diện tích đất, kết quả đo đạc chưa thể hiện phần diện tích đất khai hoang thêm là bao nhiêu và vị trí tứ cận đối với diện tích đất khai hoang thêm.

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, chị T là người đang sử dụng đất của anh Đ xác định ranh giới giữa hai gia đình hiện còn 01 hàng Xoan còn gốc. Người làm chứng anh Trần Văn H và chị Trần Thị L là người được chị T thuê làm rẫy từ năm 2005 đến năm 2009 khai: "khi trồng Xoan có trồng 01 hàng thẳng để làm ranh giới với đất anh T, khoảng cách 01m/cây". Phía chị A, anh T khẳng định anh, chị không trồng Xoan mà chỉ có cây Xoan mọc từ rễ Xoan. Như vậy cần xem xét, xác định có hay không có gốc Xoan và vị trí gốc Xoan hiện tại là một trong những căn cứ để xác định ranh giới đất giữa hai giađình.

[2.3]. Về con đường mở để đi từ Q uốc lộ 28 xuống rẫy anh Đ: Sơ đồ đo đạc hiện trạng diện tích đất tranh chấp ngày 10/5/2018 có thể hiện 01 con đường. Chị L, anh H trình bày thời điểm chị L, anh H làm thuê cho chị T từ năm 2005 – 2009 thì có mở một con đường đi xuống phía dưới rẫy của chị T, con đường này hơi xéo, con đường mở nằm phía bên trong đất của chị T chứ không nằm giáp ranh với lô đất bên cạnh. Đối với chị T và anh T1 có lời khai mâu thuẫn với nhau về con đường anh T1 xin chị T mở trên đất anh Đ để chở chanh dây. Mặt khác, tại phiên tòa chị T trình bày khi anh Đ nhận sang nhượng đất của anh V thì có con đường giữa rẫy anh Đ để đi xuống rẫy anh Đ và hiện nay chị T vẫn đi con đường này. Sơ đồ đo đạc hiện trạng diện tích đất tranh chấp ngày 10/5/2018 có thể hiện 01 con đường, cấp sơ thẩm chưa xem xét, điều tra làm rõ mà chỉ căn cứ vào lời khai của anh T1 để làm căn cứ xác định ranh giới giải quyết vụ án là chưa khách quan.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm thủ tục tố tụng như:

[3.1]. Bỏ xót người tham gia tố tụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 951176 được UBND huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị A tại thửa đất số 26 tờ bản đồ số 10 xã Đ ngày 01/11/2010. Thời điểm cấp đất cho hộ ông T thì trong hộ gia đình theo sổ hộ khẩu kèm theo Hồ sơ cấp đất do UBND huyện Đ cung cấp có các con là thành viên đủ 15 tuổi như chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Văn T, đây là những thành viên được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp đất. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp là vi phạm nghiêm trọng khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2018 anh Đ nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ngày 09/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (Hồ sơ không thể hiện ngày tống đạt thông báo), ngày 22/8/2018 chị T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (Có biên lai trong hồ sơ nhưng không thể hiện ngày giao nhận biên lại hoặc dấu công văn đến). Theo khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định:

"1. ...;

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hết thời hạn này mà người kháng cáo không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Trường hợp sau khi hết thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo mới nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà không nêu rõ lý do thì Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu người kháng cáo trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể

từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án phải có văn bản trình bày lý do chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm để đưa vào hồ sơ vụ án. Trường hợp này được xử lý theo thủ tục xem xét kháng cáo quá hạn"

Hồ sơ vụ án thể hiện người kháng cáo đã nộp biên lai cho Tòa án quá 10 ngày nhưng không có văn bản nào nêu lý do vì sao nộp chậm theo quy định nêu trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý hồ sơ và đã chuyển cấp phúc thẩm để giải quyết là sai quy định, cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Do Toà án cấp sơ thẩm có những thiếu sót nêu trên, tại phiên toà phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, do đó cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đặng Văn Đ, huỷ bản án sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận và bản án sơ thẩm bị hủy, nên anh Đặng Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho anh Đặng Văn Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Huỷ bản án sơ thẩm số: 43/2018/DS-ST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho anh Đặng Văn Đ 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002222 ngày 22/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đ;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc